

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: 60/2023/CBSP-NUTRI

SỐ TNĐKSP: 053/2023/ĐKSP

METACARE OPTI 2+

Năm 2023

UBND TỈNH BẮC NINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2023

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 053/2023/ĐKSP

Ban Quản lý An toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Metacare Opti 2+**

do Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam sản xuất phù hợp với:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 60/2023/TCSP-NUTRI

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.

TRƯỞNG BAN



Ký bởi: Ban quản lý an toàn thực phẩm
Email: abqlatp@bnninh.gov.vn
Cấp: Ủy ban An toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh
Ngày ký: 31-10-2023 09:03:29 +07:00
Nguyễn Văn Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 60/2023/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Metacare Opti 2+

2. Thành phần:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:



Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương,
Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 60/2023/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh



GIA TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trung 100g bột Per 100g	Trung 1 gói (200g) Per serving (200g)
Năng lượng/Energy	kcal	469	188
Đạm/Protein	g	17.0	6.80
Whey	g	2.87	1.15
Lysin/Lysine	mg	1284	514
Leucin/Leucine	mg	1480	592
Isoleucin/Isoleucine	mg	801	320
Valin/Valine	mg	964	386
Arginin/Arginine	mg	659	264
Histidin/Histidine	mg	430	172
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	677	271
Tyrosin/Tyrosine	mg	585	234
Threonin/Threonine	mg	679	271
Methionin/Methionine	mg	366	147
Tryptophan/Tryptophan	mg	225	90.2
Lysin/Lysine	mg	225	90.2
Asit glutamic/Glutamic acid	mg	3321	1328
Asit aspartic/Aspartic acid	mg	1303	521
Glycin/Glycine	mg	338	135
Alanin/Alanine	mg	531	212
Prolin/Proline	mg	1434	574
Serin/Serine	mg	867	347
Chất béo/Lipid	g	20.0	8.00
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	30.0	12.0
Carbohydrate tổng/Total carbohydrate	g	57.5	23.0
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	3.60	1.44
Prebiotics (FOS/Inulin)			
Sữa Non Colos 24h (Colostrum Colos 24h)	mg	100	40.0
IgG	mg	20.0	8.00
Nucleotid/Nucleotides	mg	24.0	9.60
HMO (Fucosylactose (2'-FL))	mg	145	58.0
Cholin/Choline	mg	166	66.4
Taurin/Taurine	mg	41.0	16.4
Lactococcus lactis	tiểu bào	31.3 x 10 ⁹	12.5 x 10 ⁹
L. fermentum và L. delbrueckii	tiểu bào	28.8 x 10 ⁹	11.5 x 10 ⁹
		2.52 x 10 ⁹	1.01 x 10 ⁹
Vitamin/Vitamins	IU	1667	667
Vitamin A	IU	420	168
Vitamin D3	IU	10.4	4.16
Vitamin E	µg	18.3	7.31
Vitamin K1	µg	16.0	6.40
Vitamin K2	µg	75.2	30.1
Vitamin C	µg	512	205
Vitamin B1	µg	858	343
Vitamin B2**	µg	6546	2618
Niacin	µg	2285	914
Asit pantothenic/Pantothenic acid	µg	968	387
Vitamin B6**	µg	172	69.0
Asit folic/Folic acid**	µg	1.82	0.73
Vitamin B12**	µg	14.2	5.68
Biotin	µg		
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	312	125
Kali/Potassium	mg	479	192
Clor/Chloride	mg	515	206
Canxi/Calcium	mg	800	320
Phốt pho/Phosphorus	mg	521	209
Magi/Magnesium	mg	54.0	21.6
Sắt/Iron	mg	8.03	3.21
Kẽm/Zinc	mg	5.80	2.32
Mangan/Manganese	µg	539	216
Đồng/Copper	µg	139	55.6
I-ốt/Iodine	µg	88.9	35.6
Seleni/Selenium	µg	28.4	11.4
Crom/Chromium	µg	10.0	4.01
Molybden/Molybdenum	µg	20.4	8.17

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phyloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

Milk powder, Vegetable fat, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Soy protein, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phyloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Nicotinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), Premix of Calcium and Minerals, DHA from fish oil, Choline, HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Colostrum Colos 24h, Postbiotic (Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum and Lactobacillus delbrueckii), Nucleotides, Taurine, Vitamin K2 (MK7), Synthetic flavour.

Product contains Milk, Soy protein, Fish oil.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Trẻ từ 2 – 10 tuổi./For children from 2 – 10 years old.

CÔNG DỤNG/FEATURES:

Metacare Opti 2+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

Metacare Opti 2+ replaces snacks, supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children, suitable for physiological ages and the digestive system of children.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION:

- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 – 50°C) trước khi pha./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 – 50°C).
- Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt Metacare Opti 2+ (tương đương 40 g)/Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g) of Metacare Opti 2+.
- Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Metacare Opti 2+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng./Stir well until the powder is completely dissolved to get 210 ml Metacare Opti 2+. Check the heat before feeding.

Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ/Finish using Metacare Opti 2+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

Hàm lượng dinh dưỡng có thể dao động trong khoảng cho phép (Scan QR code để xem thông tin chi tiết).

LƯU Ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.



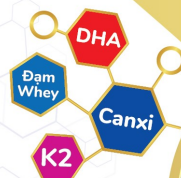
NMNI - USA
Nutricare Medical
Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

metaCare

TIÊU HÓA KHỎE OPTI

TĂNG CÂN, CAO LỚN



2⁺



VỊ NHẠT THANH

Khối lượng tịnh
Net.wt 850 g
*Postbiotic

Dành cho trẻ từ 2 – 10 tuổi
Sản phẩm dinh dưỡng



NMNI - USA
Nutricare Medical
Nutrition Institute - USA

60 ĐƯỜNG CHẤT

METACARE OPTI 2+

Metacare Opti 2+ được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 30 tỷ Lợi khuẩn*, HMO, Chất xơ, Sữa Non Colos 24h cùng 60 đường chất giúp tiêu hóa khỏe, bề tăng cân, cao lớn.



TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG

30 tỷ Lợi khuẩn* (Hệ Lợi khuẩn Postbiotic L. Lactis và Postbiotic LBiome) ức chế sự phát triển của vi khuẩn có hại, tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên cùng HMO kết hợp với Chất xơ giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh, ngăn ngừa táo bón, hỗ trợ cân bằng vi sinh đường ruột. Cùng Sữa Non Colos 24h từ Mỹ giúp tăng cường sức đề kháng.



TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

60 đường chất với công thức giàu năng lượng gồm Đạm Whey dễ hấp thu, Vitamin nhóm B** đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Kẽm tăng cường chuyển hóa năng lượng và Lysin giúp bề ăn ngon miệng, tăng cân khỏe mạnh, bất kíp da tăng trưởng.



PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi** theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe, phát triển chiều cao vượt trội.

PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC

DHA, Cholin giúp bề phát triển não bộ cùng Axit folic giúp tăng khả năng ghi nhớ, học hỏi. Taurin hỗ trợ bảo vệ thị giác.



LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./Use 2 - 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lưu khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

*Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, Lợi khuẩn *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*) từ men trong 3 ly Metacare Opti 2+ pha chuẩn.
** Trong 3 ly Metacare Opti 2+ pha chuẩn đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 – 9 tuổi.
(7) Nguyên liệu Sữa Non Colos 24h nhập khẩu từ Mỹ.

Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024.66.833.368
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô V/L1.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018,
Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP,
Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.
SỐ TNEKSP:
NSX và HSD: Xem trên bao bì.



Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

CHẠM SỐC KHÁCH HÀNG
HIỆN BẮC 1800.00.11 (phần phụ)
PHẦN NAM: 024.7.700.0000
WWW.NUTRICARE.COM.VN



CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 60/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Metacare Opti 2+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbrueckii), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g
------------	--------	--------------------------

Năng lượng	kcal	375
Đạm	g	13.6
Whey	g	2.30
Lysin	mg	1027
Leucin	mg	1184
Isoleucin	mg	641
Valin	mg	771
Arginin	mg	527
Histidin	mg	344
Phenylalanin	mg	542
Tyrosin	mg	468
Threonin	mg	543
Methionin	mg	293
Tryptophan	mg	180
Cystin	mg	180
Axit glutamic	mg	2657
Axit aspartic	mg	1042
Glycin	mg	270
Alanin	mg	425
Prolin	mg	1147
Serin	mg	694
Chất béo	g	16.0
DHA	mg	24.0
Carbohydrate tổng	g	46.0
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2.88

Sữa Non Colos 24h	mg	80.0
IgG	mg	16.0
Nucleotit/Nucleotides	mg	19.2
HMO (<i>Fucosyllactose (2'-FL)</i>)	mg	116
Cholin	mg	133
Taurin	mg	32.8
Lợi khuẩn	Tế bào	25.0×10^9
<i>Lactococcus lactis</i>	Tế bào	23.0×10^9
<i>L. fermentum</i> và <i>L.delbrueckii</i>	Tế bào	2.00×10^9
Vitamin		
Vitamin A	IU	1334
Vitamin D3	IU	336
Vitamin E	IU	8.32
Vitamin K1	μg	14.6
Vitamin K2	μg	12.8
Vitamin C	mg	60.2
Vitamin B1	μg	410
Vitamin B2	μg	686
Niacin	μg	5237
Axit pantothenic	μg	1828
Vitamin B6	μg	774
Axit folic	μg	138
Vitamin B12	μg	1.46
Biotin	μg	11.4
Khoáng chất		

Natri	mg	250
Kali	mg	383
Clo	mg	412
Canxi	mg	640
Phốt pho	mg	417
Magiê	mg	43.2
Sắt	mg	6.42
Kẽm	mg	4.64
Mangan	µg	431
Đồng	µg	111
I-ốt	µg	71.1
Selen	µg	22.7
Crôm	µg	8.00
Molypden	µg	16.3

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi và các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0.02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Asen	mg/kg	0.5
5	Thiếc (Sn) <i>(Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)</i>	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Thuộc nhóm Thực phẩm dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0.5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.
- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 2-10 tuổi.

7. Công dụng

Metacare Opti 2+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

8. Lượng dùng khuyến nghị

Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

9. Hướng dẫn cách pha

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội ($45 - 50^{\circ}\text{C}$) trước khi pha.
- 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt **Metacare Opti 2+** (tương đương 40 g).
- 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml **Metacare Opti 2+**. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng.

Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,

Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN *du*

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh

